

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31/10/2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Trân

Ông Lê Đình Nguyên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Minh Trường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 296/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lò Thị Ánh T - sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu phố NC, thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- Bị đơn: Ông Hà Huy H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu phố 7, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lò Thị Ánh T trình bày:

Bà Lò Thị Ánh T và ông Hà Huy H tiến đến hôn nhân tự nguyện, không tổ chức cưới hỏi, nhưng có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 40 ngày 24/3/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại thôn Ninh Chữ 01, thị trấn K, huyện N. Từ tháng 7 năm 2017 đến nay vợ chồng không có tiếng nói chung, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên rượu chè, sử dụng chất kích thích gây nghiện dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng. Bà đã cho ông H nhiều cơ hội nhưng ông H vẫn không thay đổi. Vợ chồng ông bà đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay.

Trong thời gian ly thân thì vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau. Nay, tình cảm của bà với ông H không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hà Huy H.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung tên Hà Gia T1, sinh ngày 27/01/2017, ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông Hà Huy H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/10/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng ông Hà Huy H trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về thời điểm chung sống, đăng ký kết hôn và con chung. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, ông cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra xích mích nhưng không đáng kể, hiện nay ông bà đã ly thân do bà T nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Ông không đồng ý ly hôn với bà Tuyết vì con còn nhỏ.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung tên Hà Gia T1, sinh ngày 27/01/2017. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bà T ly hôn với ông thì con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Lò Thị Ánh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với bị đơn ông Hà Huy H, vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ở phường P, TP. P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bản khai và các chứng cứ do các đương sự cung cấp, việc thu thập chứng cứ không do Tòa án tiến hành nên căn cứ khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự không có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đến phiên tòa; Tuy nhiên, bị đơn vẫn vắng mặt trong phiên tòa lần thứ nhất và phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Bà Lò Thị Ánh T và ông Hà Huy H không tổ chức cưới hỏi, nhưng có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 40 ngày 24/3/2017 đây là hôn nhân hợp pháp, tại phiên tòa sơ thẩm bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[5] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan

tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Tuy nhiên, từ năm 2017 đến nay vợ chồng bà T ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên rượu chè, sử dụng chất kích thích gây nghiện dẫn đến mâu thuẫn càng thêm trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà T và ông H đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Trong thời gian ly thân thì vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau. Bà T không còn tình cảm với ông H và mong muốn được ly hôn. Mâu thuẫn của bà T và ông H phù hợp với biên bản xác nhận tình trạng hôn nhân do địa phương nơi vợ chồng bà T cư trú xác nhận. Đối với bị đơn là ông Hà Huy H có bản trình bày ý kiến không đồng ý ly hôn, không thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng ông bà là trầm trọng nhưng tại phiên tòa lần thứ nhất và phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, qua đó thể hiện ông không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và giấy xác nhận tình trạng của hôn nhân của Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện N do nguyên đơn cung cấp xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông H rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[6] Về con chung: Xét về yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà T Hội đồng xét xử xét thấy con chung của ông H và bà T tên Hà Gia T1, sinh ngày 27/01/2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Cháu T1 đang ở với bà T và bà T có nhà riêng, có công việc ổn định, thu nhập bình quân 5.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện để nuôi con nên Hội đồng xét xử giao cháu Hà Gia T1, sinh ngày 27/01/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu.

[7] Tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lò Thị Ánh T được ly hôn với ông Hà Huy H.

2. Về con chung: Bà Lò Thị Ánh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hà Gia T1, sinh ngày 27/01/2017. Ông Hà Huy H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Lò Thị Ánh T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Lò Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Lò Thị Ánh T đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0018499 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Lò Thị Ánh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hùng

